

# CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC MIỀN TÂY NAM BỘ

*Huỳnh Thị Gấm\**

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, có 54 dân tộc cùng chung sống. Trong đó dân tộc Kinh (Việt) đông nhất, chiếm hơn 86% dân số, các dân tộc còn lại chỉ chiếm khoảng 13% dân số. Các dân tộc ở nước ta cư trú không tách biệt mà xen kẽ nhau. Các dân tộc thiểu số chủ yếu cư trú trên các vùng rừng núi, biên giới của đất nước. Đó là những vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, môi trường sinh thái....

Từ xưa đến nay, đoàn kết, hoà hợp, bình đẳng, tương thân, tương trợ là một truyền thống vô cùng quý báu của cộng đồng các dân tộc ở nước ta. Truyền thống đó thấm sâu trong lối sống, trong tình cảm, ý thức của mỗi con người, của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Qua những thời kỳ, các triều đại khác nhau trong lịch sử nước ta, các bậc vua minh, những anh hùng dân tộc đã kế thừa, đúc kết nâng các truyền thống ấy thành chủ trương chính trị và kế sách giành độc lập, giữ nước, an dân.

Hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa, tiếp nhận, phát triển truyền thống đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc ta lên tầm cao mới. Người nêu những luận điểm rất đặc sắc về đoàn kết. Người tổng kết rằng, hễ lúc nào nước ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập tự do, còn khi nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn. Người còn chỉ rõ, sở dĩ các phong trào yêu nước chống Pháp ở nước ta thất bại là vì dân ta chưa hiệp lực, đồng tâm. Cho nên cần phải đoàn kết vì “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”<sup>(1)</sup>. Người đã từng khẳng định, nhờ đoàn kết mà nhân dân ta đã “làm Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, đã “kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình ở Đông dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc”, đã “giành thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc”<sup>(2)</sup>. Từ nhận thức lý luận và minh chứng thực tiễn, Người thể hiện tư tưởng đại đoàn kết trong khẩu hiệu: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”<sup>(3)</sup>.

Khẩu hiệu trên cho thấy đối tượng và phạm vi đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng rãi bao gồm nhiều tầng nấc. Trong đó đoàn kết dân tộc,

\* Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam.

đoàn kết cộng đồng các dân tộc là vấn đề đặc biệt quan trọng có ý nghĩa quyết định sự tồn vong của đất nước. Người nhận thức đúng đắn, đánh giá cao công lao, vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong công cuộc dựng nước, giành độc lập dân tộc và giữ nước. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Người kêu gọi: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc...”<sup>(4)</sup>. Người cũng nhắc nhở phải luôn củng cố, tăng cường khối đoàn kết dân tộc. Người viết: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau. Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu giấy liên lạc, hai là vì có kẻ xui giục để chia rẽ chúng ta. Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta... Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta...”<sup>(5)</sup>.

Vấn đề bình đẳng, tương trợ, giúp nhau giữa các dân tộc đã được Hồ Chí Minh sớm quan tâm. Người đã đồng tình và ca ngợi tư tưởng tiến bộ trong các bản tuyên ngôn nổi tiếng của nước Pháp và nước Mỹ về quyền bình đẳng của con người. Từ đó, người đã suy rộng ra về quyền bình đẳng cho các dân tộc và ghi trong Tuyên ngôn độc lập của nước ta: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Về cộng đồng các dân tộc ở nước ta, Người chỉ rõ “các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ... xóa xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra... thực hiện sự bình đẳng giúp nhau giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội...”<sup>(6)</sup>. Người căn dặn các cơ quan của Đảng và Nhà nước phải có kế hoạch đẩy mạnh phong trào miền núi lên, về kinh tế cũng như về văn hóa và tất cả các mặt... Ra sức giúp đỡ đồng bào phát triển những việc có lợi ích cho đời sống vật chất và văn hóa của các dân tộc; Người kêu gọi: “Hiện nay có hàng chục vạn đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế miền núi. Đồng bào miền núi phải đoàn kết giúp đỡ đồng bào miền xuôi. Và đồng bào miền xuôi phải đoàn kết giúp đỡ đồng bào miền núi”<sup>(7)</sup>.

Từ quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, từ tư tưởng đoàn kết, bình đẳng, tương trợ trong cộng đồng các dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta cũng đã vạch ra và thực hiện tốt đường lối, chính sách dân tộc qua các thời kỳ cách mạng. Nhiều Văn kiện, Nghị quyết của Đảng đã đề cập đến vấn đề đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã ghi rõ rằng: *các dân tộc ở Việt Nam đều được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, phải đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc*. Điều đó được khẳng định thêm trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc rằng, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp các dân tộc đa số, giúp các dân tộc phát huy tinh thần cách mạng và khả năng to lớn của mình..., đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội lần thứ IX của Đảng ta đã khẳng định rằng, đại đoàn kết toàn dân là “nguồn sức mạnh”, là “động lực to lớn” để xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc; rằng “vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng”. Đại hội chủ trương “Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển”. Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã vạch ra cụ thể hơn những chủ trương và giải pháp đúng đắn cần thiết đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

Quá trình thực thi chủ trương chính sách dân tộc đã mang lại những kết quả to lớn, song bên cạnh đó cũng không thể tránh khỏi khó khăn, hạn chế, sơ hở mà chúng ta cũng đã và đang ra sức ngăn ngừa, khắc phục.

Nhiều năm nay, các phần tử, tổ chức phản động cực đoan đã lợi dụng những các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “tôn giáo”, “dân tộc”, cường điệu những hạn chế, sơ hở của ta để ráo riết hoạt động chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta. Trong đó vấn đề về đồng bào các dân tộc thiểu số là một trong những vấn đề rất phức tạp, gay gắt, bị chúng ra sức quấy phá. Âm mưu của chúng là nhằm tạo dựng ngọn cờ đòi quyền dân tộc tự trị, hòng tách một số dân tộc ở một số vùng ra khỏi nước ta, phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc, hình thành các kiểu “Nhà nước Đê ga độc lập” ở Tây Nguyên; “Vương quốc H’mông” ở Tây Bắc; “Vương quốc Chăm” ở Nam Trung Bộ; “Nhà nước Khmer Crôm” ở Tây Nam Bộ. Mưu đồ thành lập kiểu nhà nước Khmer Crôm tự trị là của tổ chức “Mặt trận dân tộc giải phóng Campuchia Crôm”. Tổ chức này đã vu cáo Việt Nam xâm chiếm đất đai, giết hại người Khmer Crôm; kích động người Khmer Crôm đấu tranh đòi Việt Nam phải trả vùng đất Tây Nam Bộ cho người Khmer...<sup>(8)</sup>. Thời gian gần đây, số đối tượng phản động người Chăm lưu vong đã lợi dụng các quyền tự do dân chủ để tăng cường các hoạt động phức tạp nhằm khơi dậy, kích động tư tưởng đòi phục hồi vương quốc Chăm-pa. Số này đã có các hoạt động ảnh hưởng đến an ninh trật tự nước ta, hòng gây chia rẽ giữa người Chăm và người Kinh, chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc và tôn giáo...

Trước tình hình đó, đòi hỏi chúng ta phải thực hiện tốt chủ trương chính sách đối với đồng bào các dân tộc thiểu số trên đất nước ta. Ở đây, chúng tôi muốn góp thêm những ý kiến bước đầu về việc tiếp tục thực hiện các chính sách đoàn kết, bình đẳng, công bằng, tương trợ giữa các dân tộc ở khu vực Tây Nam Bộ.

Miền Tây Nam Bộ là vùng đồng bằng trù phú, là vựa lúa lớn nhất nước ta và khu vực. Nơi đây, bên cạnh đại đa số người Kinh, còn có khoảng 8% dân cư là các dân tộc thiểu số. Trong đó đồng bào Khmer khoảng hơn 1 triệu người, chiếm khoảng 6% dân cư trong vùng. Kế đó là người Hoa, gần 900.000 người<sup>(9)</sup>. Ít nhất là người Chăm, từ năm 1975 đến nay dân số của dân tộc Chăm hầu như không tăng, riêng ở An Giang hiện có khoảng 12.500 người<sup>(10)</sup>.

Dân tộc Khmer ở Tây Nam Bộ sinh sống chủ yếu bằng nghề nông độc canh cây lúa. Phần lớn ruộng đất của họ thuộc vùng nhiễm mặn hoặc khô cằn, mà tập quán sản xuất chỉ chủ yếu dựa vào tự nhiên, nên năng suất thấp, không ổn định. Một số người Khmer trồng các loại cây khác, hoa màu, làm muối, đánh bắt cá... nhưng hoạt động yếu kém. Không ít người Khmer sinh sống bằng làm thuê

trong nông nghiệp. Riêng huyện Tri Tôn tỉnh An Giang, vào năm 2003 có gần 26% số hộ làm thuê<sup>(11)</sup>. Một bộ phận làm một số nghề khác như chăn nuôi, thủ công, dịch vụ, buôn bán nhỏ lẻ, có rất ít người Khmer hoạt động trong các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ...

Người Hoa ở vùng này chủ yếu làm nghề nông, một bộ phận vừa làm nghề nông vừa buôn bán nhỏ. Người Hoa ở các thị xã, thị trấn, thị tứ chủ yếu sống bằng nghề buôn bán. Họ có vai trò rất lớn và tích cực trong phát triển mạng lưới thương mại, thị trường hàng hóa, đặc biệt là thị trường lúa gạo giữa vùng này với thành phố Hồ Chí Minh, với các vùng khác và với nước ngoài.

Người Chăm cư trú tập trung đông nhất ở tỉnh An Giang. Họ làm nghề chính là buôn bán và dệt thủ công. Họ không mở cửa hiệu mà thường đi buôn chuyến, mua bán rong, nhỏ lẻ. Một bộ phận người Chăm là ngư dân, đánh bắt cá nước ngọt, nhưng vẫn ở mức nhỏ bé. Một bộ phận làm nghề nông, nhưng nông nghiệp vẫn chưa đóng vai trò lớn trong nền kinh tế của họ.

Cộng đồng các dân tộc Việt, Khmer, Hoa, Chăm đã cùng chung sống, cùng chung sức khai phá xây dựng vùng Tây Nam Bộ trù phú. Các dân tộc sống rất đoàn kết, hòa đồng, bình đẳng, công bằng với nhau, luôn tương trợ, giúp đỡ nhau. Các dân tộc ngày càng hòa hợp, gần gũi, gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau qua lao động sản xuất, qua hôn nhân, qua sử dụng chung tiếng Việt hoặc giao lưu ngôn ngữ, qua hoạt động kinh tế, văn hóa, quan hệ xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo... Hầu hết người Khmer đều là tín đồ của Phật giáo Tiểu thừa; Người Chăm Islam ở An Giang theo Hồi Giáo chính thống. Ngoài ra một bộ phận đồng bào ở đây còn theo các tôn giáo khác như: Phật giáo Đại thừa, Thiên chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo...

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và xâm lược Mỹ cùng bè lũ tay sai, đồng bào các dân tộc đã góp phần đáng kể với nhiều thành tích như nuôi dưỡng, che giấu bảo vệ cán bộ, làm liên lạc, đưa đón cán bộ. Nhiều gia đình có con em tham gia cách mạng, con em là liệt sĩ. Có những bà mẹ đã được phong Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Phát huy vai trò, thành tích trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm, trong thời kỳ hòa bình xây dựng với việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, các dân tộc đã tích cực tham gia hoạt động trong hệ thống chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội... Nhiều người Khmer, Hoa, Chăm đã trở thành cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ hoạt động trong hệ thống chính trị, trong các tổ chức, đoàn thể xã hội. Riêng đồng bào Chăm ở An Giang vào cuối năm 2003, 15 người là đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam, 3 người là đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, 10 người là đại biểu Hội đồng nhân dân xã, 4 người là công an xã và huyện, 24 người là thành viên Mặt trận Tổ quốc, 91 người là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, 929 hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, có 3 giáo viên các cấp, 5 bác sĩ, 30 người có trình độ đại học<sup>(12)</sup>.

Nhờ sự nỗ lực của đồng bào các dân tộc, được sự quan tâm hỗ trợ tích cực của hệ thống chính trị và các đoàn thể xã hội... mà đời sống mọi mặt của

đồng bào ít nhiều được cải thiện và nâng lên. Trình độ phát triển kinh tế-xã hội của các dân tộc ít người so với người Việt ở Tây Nam Bộ không quá chênh lệch và cách biệt như ở các vùng khác. Nền kinh tế của họ cũng đã bước đầu là kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ. Người sản xuất cũng có tiếp xúc, sử dụng các phương tiện kỹ thuật canh tác, vật tư nông nghiệp mới, hiện đại, đồng thời có kết hợp với kinh nghiệm truyền thống trong canh tác. Xã hội của đồng bào các dân tộc ở đây cũng đã có sự phân hóa; đời sống văn hóa tinh thần có những nét tương đồng với người Việt, đồng thời họ vẫn giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa đặc trưng của từng dân tộc.

Tuy nhiên, dù có tiến bộ, cải thiện nhất định, nhưng tình hình kinh tế-xã hội ở các dân tộc ít người tại vùng này còn không ít hạn chế:

Việc tiếp nhận khoa học kỹ thuật công nghệ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi rất chậm chạp... Cho nên năng suất, sản lượng chưa cao, làm cho nhiều hộ thường bị thua lỗ, nợ nần, phải bán đất, lâm vào tình trạng không có đất canh tác. Năm 2003, ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, hộ người Khmer không đất sản xuất, chủ yếu là các hộ làm thuê trong nông nghiệp và các hộ làm thuê ở các ngành nghề khác, chiếm gần 85% số hộ<sup>(13)</sup>. Tình trạng tranh chấp, khiếu kiện về ruộng đất đã tác động ít nhiều đến sản xuất và đời sống của đồng bào. Trình độ kinh tế tuy có tiến bộ, nhưng vẫn chưa thoát khỏi hẳn tính chất thủ công, manh mún, tự cung, tự cấp. Cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất và đời sống còn thiếu, kém, lạc hậu.

Đời sống của các dân tộc thiểu số, nhất là người Khmer, so với các năm trước đã có bước tiến khá tốt, số hộ đói nghèo có giảm ở một số địa phương, nhưng tình hình kinh tế và đời sống của họ vẫn rất khó khăn, tình trạng đói nghèo vẫn còn. Số hộ đói nghèo hầu như tập trung ở những vùng đông người Khmer như các huyện Gò Quao, An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận (Kiên Giang); Trà Cú, Châu Thành (Trà Vinh); Trà Ôn (Vĩnh Long); Vĩnh Châu, Mỹ Tú (Sóc Trăng); Vĩnh Lợi (Bạc Liêu); Tri Tôn, Tịnh Biên (An Giang)...<sup>(14)</sup>. Năm 2002 riêng huyện Tịnh Biên có 1.830 hộ nghèo, chiếm hơn 23% so với hộ dân tộc Khmer và chiếm hơn 44% so với hộ nghèo trong huyện; huyện Tri Tôn có 1.957 hộ Khmer nghèo chiếm hơn 20% so với hộ dân tộc Khmer và chiếm gần 47% so với hộ nghèo trong huyện<sup>(15)</sup>. Ở đồng bào Chăm cũng còn khá nhiều hộ nghèo, qua khảo sát phân loại hộ năm 2002, thì có 16% hộ nghèo. Nhà ở của các dân tộc, dù có khá hơn trước, nhưng phần lớn vẫn còn rất đơn sơ, tạm bợ, nghèo nàn, phương tiện cho sinh hoạt, đời sống thiếu thốn. Nhà ở có cải thiện, nhưng nhà kiên cố và bán kiên cố chưa nhiều, chủ yếu là nhà tạm bợ. Cuối năm 2002, ở huyện Tri Tôn còn đến 44% nhà ở của đồng bào Khmer là tranh tre nửa lá, tạm bợ<sup>(16)</sup>.

Trình độ học vấn, trình độ khoa học kỹ thuật của các dân tộc thiểu số ở đây, nhất là người Khmer rất thấp. Nhiều người mù chữ, năm 2003, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang có đến hơn 44% người Khmer không biết chữ, gần 77% số người Khmer không biết chữ dân tộc<sup>(17)</sup>. Số người được đi học, tỷ lệ học sinh học phổ thông trung học, đại học... rất thấp so với người Kinh. Bản tính của đồng bào

các dân tộc rất hiền hòa, chân chất, hồn nhiên, coi trọng chữ tín, nhưng lại nhẹ dạ, cả tin dễ bị lợi dụng khi các thế lực phản động dùng yếu tố vật chất, tinh thần để mua chuộc, lôi kéo. Có những khía cạnh trong tâm lý, tư tưởng vẫn rất bảo thủ, lạc hậu, còn nhiều hủ tục, mê tín dị đoan. Việc chăm sóc sức khỏe còn nhiều hạn chế: nước sạch, điều kiện vệ sinh, môi trường chưa được bảo đảm... Các tục lệ cúng kiến, ma thuật, lễ nghi nông nghiệp, làm phước, các luật lệ khắc khe, tục cấm cung... vẫn còn kìm hãm xã hội các dân tộc ít người ở đây, nhất là dân tộc Khmer, Chăm trong tình trạng nghèo nàn, chậm phát triển<sup>(18)</sup>.

Tình trạng khó khăn về đời sống, trình độ dân trí thấp kém tụt hậu ở các dân tộc ít người, những sơ hở, sai sót của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước... là những nguyên do để bọn phản động vin vào công kích, mua chuộc, lôi kéo đồng bào, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, công kích, xuyên tạc, phá hoại sự nghiệp cách mạng nước ta. Đây cũng là sự thách thức đối với đồng bào các dân tộc trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Để tiếp tục thực hiện chính sách đoàn kết, bình đẳng, công bằng tương trợ và các chính sách khác đối với đồng bào các dân tộc, để tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội cho các dân tộc trong vùng sẵn sàng hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, nên *quan tâm giải quyết một số vấn đề sau*:

- Bằng nhiều cách thức, phương pháp mà giáo dục tuyên truyền cho đồng bào các dân tộc nắm vững, thực hiện tốt các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, nhận thức rõ phải tăng cường đoàn kết, bình đẳng, công bằng, tương trợ vì mục tiêu cao cả là làm cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; làm cho đồng bào biết rõ rằng, Đảng và Nhà nước luôn chăm lo cho đồng bào các dân tộc nói chung và đồng bào Khmer, Hoa, Chăm nói riêng; làm cho đồng bào hiểu rõ và kiên quyết chống lại những âm mưu thâm độc, hành động sai trái của các phần tử phản động.

- Phát huy quyền *làm chủ về chính trị* của các dân tộc thiểu số. Tạo điều kiện, hướng dẫn họ hiểu và thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân, thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Quyền làm chủ về chính trị còn thông qua việc bảo đảm cơ cấu cán bộ. Thực hiện tốt chính sách cán bộ, sao cho có nhiều hơn nữa cán bộ là người thuộc các dân tộc Khmer, Hoa, Chăm... trong bộ máy Đảng và Nhà nước và các tổ chức chính trị-xã hội. Chú trọng hơn việc tạo nguồn, qui hoạch, đào tạo, sử dụng, bố trí, đề bạt cán bộ trong các dân tộc, lưu ý đến đối tượng là học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, cán bộ hoạt động thực tiễn... Thực hiện tốt sự công bằng trên mọi lĩnh vực giữa các dân tộc. Tạo mọi điều kiện cho tất cả các dân tộc đều có cơ hội ngang nhau trong tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... làm cho các dân tộc và toàn xã hội có sự đồng thuận trong tư tưởng và hành động để cùng tiến bộ và phát triển.

- Nỗ lực đầu tư, hỗ trợ nhằm xây dựng, *phát triển kinh tế đời sống* ở vùng đồng bào các dân tộc. Tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và đời sống. Đưa những tiến bộ khoa học vào trong canh tác, sản xuất, khắc phục dần tình trạng sản xuất theo tập quán chỉ chủ yếu dựa vào tự nhiên.

Giúp đồng bào Chăm, Khmer thoát dần khỏi nền kinh tế tự cấp, tự túc, phát triển kinh tế hàng hóa thị trường, hòa nhập nhanh vào thị trường chung của vùng, cả nước, khu vực và quốc tế. Đưa nhanh hơn, nhiều hơn những sản phẩm thủ công truyền thống của đồng bào ra thị trường trong nước và quốc tế, trong đó có những sản phẩm nổi tiếng như lụa Tân Châu của đồng bào Chăm; vải vóc, thảm chiếu, đường Thốt nốt của đồng bào Khmer....

Ruộng đất là một vấn đề lớn, là yếu tố quan trọng trong sản xuất của các dân tộc thiểu số ở đây. Cho nên các địa phương có sự quan tâm, ưu tiên giao nhiều ruộng đất hơn cho những hộ có năng lực và chí thú với nghề nông. Sớm giải quyết việc khiếu kiện, tranh chấp ruộng đất ở vùng đồng bào các dân tộc một cách thận trọng đúng đắn. Có những biện pháp cụ thể thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, đẩy mạnh hơn nữa chương trình khuyến nông, thâm canh tăng vụ, áp dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật vào canh tác, sản xuất. Chuyển đổi nhanh cơ cấu các ngành nghề kinh tế, đầu tư khuyến khích phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp sao cho thật khoa học và hiệu quả cao. Quan tâm đặc biệt hơn đối với những hộ đi làm thuê, nhất là người Khmer. Có những quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của người làm thuê về giờ giấc, về cường độ lao động, về tiền công lao động. Đối với những hộ thiếu khả năng canh tác ruộng đất thì khuyến khích chuyển đổi ngành nghề. Áp dụng nhiều phương thức cho vay linh hoạt, phù hợp, hỗ trợ lãi suất ưu đãi cho đồng bào để đầu tư sản xuất và khôi phục, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp. Đầu tư nhiều hơn, có hiệu quả hơn trong xây dựng cơ sở, hạ tầng: đường giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, thông tin liên lạc, trường học, trạm xá và các công trình phúc lợi khác. Ngoài sự đầu tư cho vùng đồng bào các dân tộc của các chương trình quốc gia, cần khuyến khích, kêu gọi các địa phương, cơ quan, ban ngành hỗ trợ mọi mặt cho các dân tộc ở đây cùng phát triển.

- Ra sức chăm lo một cách sâu sát, thiết thực lĩnh vực *văn hóa-xã hội* ở các dân tộc vùng này. Đây thực sự cũng là vấn đề lớn và nan giải, nhưng nếu làm tốt sẽ tạo thành cơ sở quan trọng để tăng cường khối đại đoàn kết, quan hệ bình đẳng, công bằng, tương trợ nhau giữa các dân tộc. Do đó, ở các địa phương cần có sự nỗ lực và quyết tâm lớn trong việc xóa nạn mù chữ, phổ cập giáo dục các cấp, đào tạo, bồi dưỡng lớp trẻ, nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào Khmer, Chăm và Hoa. Chăm lo đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề, đào tạo đại học, sau đại học trong đồng bào các dân tộc. Cần thiết mở thêm những trường, lớp riêng để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong đồng bào. Cán bộ huyện, xã cần học tiếng của các dân tộc trong vùng để dễ dàng giao tiếp và công tác.

Tích cực tạo ra nhiều việc làm cho người lao động trong đồng bào, hoặc làm việc tại chỗ, hoặc hợp tác lao động trong và ngoài nước. Giúp thanh niên có ý thức tự vươn lên. Khuyến khích họ tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm cho mình, cho gia đình và cho nhiều người khác.

Một mặt, giúp đồng bào bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể, giữ gìn, phát huy những giá trị tốt đẹp, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân

tộc; Mặt khác, ra sức tuyên truyền, giáo dục, đấu tranh để ngăn chặn, đẩy lùi, đi tới xóa bỏ những tâm lý, thói quen, phong tục tập quán lạc hậu, những tệ nạn xã hội, những biểu hiện đi ngược lại thuần phong mỹ tục... gây ảnh hưởng không tốt, tác hại đến cuộc sống mỗi người và cộng đồng. Mỗi gia đình của các dân tộc ở đây vẫn còn đông con, nhất là ở người Hoa và Khmer. Do đó cần phải khuyến khích, tạo điều kiện cho các dân tộc xây dựng gia đình văn hóa mới, ít con hơn, chăm lo cho con cái tốt hơn và vun đắp cuộc sống hạnh phúc. Phát triển sâu rộng mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe chu đáo cho đồng bào, chú trọng sức khỏe của bà mẹ và trẻ em trong các dân tộc ít người.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về các dân tộc thiểu số, thực hiện chính sách dân tộc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế đời sống, văn hóa, xã hội trong cả nước, cũng như ở miền Tây Nam Bộ là vấn đề trước mắt cũng như lâu dài. Sắp tới, Trung ương và các địa phương nên có sự đầu tư nhiều hơn, kế hoạch, biện pháp thực thi thiết thực và đạt hiệu quả cao hơn nữa mới có thể giải quyết tốt các lĩnh vực trên. Đó là cơ sở, điều kiện quan trọng để củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết, hòa hợp toàn dân tộc, bảo đảm sự bình đẳng, công bằng, thể hiện sự hết lòng yêu thương, tương trợ nhau giữa các dân tộc trên địa bàn và cả nước. Từ đó góp phần phá tan những âm mưu, thủ đoạn chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, hồng phá hoại sự nghiệp cách mạng ở nước ta của bọn phản động trong và ngoài nước; đồng thời giúp cho các dân tộc nâng cao trình độ, sẵn sàng trong giao lưu tiếp xúc và hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

## CHÚ THÍCH

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 39.
- 2, 3. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 604, tr. 607.
4. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 480, tr. 217-218.
6. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 3587, 457.
7. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 135.
8. Ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương: "Một số tổ chức phản động chống phá cách mạng Việt Nam" Hà Nội 2003.
9. Ban Tư tưởng- Văn hóa Trung ương: "Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng Cộng Sản Việt Nam". Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- 10, 12. Công an tỉnh An Giang: Tình hình người Chăm và đạo Hồi ở biên giới tỉnh An Giang. Một số giải pháp nhằm ổn định an ninh trật tự vùng dân tộc Chăm, tr.4, tr.19.
- 11, 13, 16, 17. Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn: Báo cáo chuyên đề dân tộc Khmer. Tháng 9-2003, tr. 4, tr. 9, tr. 5, tr. 3.
14. Chương trình phân tích hiện tượng đói nghèo tại đồng bằng sông Cửu Long (MDPA) do Aus AID tài trợ, Tháng 1-3 năm 2003 .
15. Ban chỉ đạo. Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm tỉnh An Giang: Báo cáo kết quả điều tra cập nhật hộ nghèo và một số đối tượng xã hội năm 2001, tỉnh An Giang.
18. Huỳnh Thị Gấm, "Những biến đổi kinh tế-xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long.", Luận án Tiến sĩ, năm 1998.